

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 - 4- 2021

V/v : “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Ngọc

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Trương Thị Thìn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa , tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Hoàng Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2118/2020/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2021 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 89/2021/QĐST – HNGĐ ngày 19/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: A/ T (số cũ A), tổ A, KPA, phường LB, TP BH, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1983.

HKTT: A/ T (số cũ A), tổ A, KPA, phường LB, TP BH, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Thôn A, BH, CB, CT, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị Th, anh C vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng chị Hà Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày 23/11/2016, giấy chứng nhận kết hôn số 415. Trong thời gian đầu chung sống anh C rất siêng năng chịu khó làm ăn sau đó anh C tỏ ra lười biếng không chịu làm, hay hờn dỗi, công việc của anh C thì thay đổi liên tục, cứ mấy tháng anh C thay đổi chỗ làm 1 lần, việc nhà anh C không quan tâm phải nói anh C mới làm không nói thì anh C không làm. Mâu thuẫn gia đình xảy ra thường xuyên và nhất là khi anh C bỏ

nhà đi làm cho bạn trong khi chị vừa chăm con nhỏ lại đang mang thai 03 tháng và không phụ cấp nuôi con từ đó đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị không thể ở cùng nhà với anh C nên chị nói anh C ra ngoài ở và anh C đã bỏ về quê sống với ba mẹ anh C từ ngày 15/11/2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chị xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Chị làm nghề buôn bán thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/ 1 tháng. Chị buôn bán tại nhà của chị. Hiện chị và 02 con đang sinh sống tại nhà A/ T (số cũ A), tổ A, KPA, phường LB, TP BH, tỉnh Đồng Nai.

- **Về con chung:** Có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2019 và Nguyễn Hà Nhật H, sinh ngày 16/12/2020. Ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả con chung và tạm thời không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về Nợ chung:** Chị cam kết vợ chồng chị không có nợ chung.

- **Về án phí:** Chị xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*\* Theo các bản tự khai ngày 02/11/202, 27/11/2020, 21/01/2021 và tại cá phiên hòa giải ngày 09/12/2020, 21/01/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình theo chị Hà Thị T trình bày là đúng.

Anh và chị Hà Thị T đăng ký kết hôn năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 415 ngày 23/11/2016. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng rất thương yêu nhau, nhưng khi có đứa con thì cuộc sống gia đình thay đổi. Hai vợ chồng thường cãi nhau về cách thức làm ăn. Trong gia đình mọi việc đều do vợ anh tự quyết định rồi tự phàn nàn. Bản thân anh cũng chán công việc của mình vì vậy mới đi theo bạn làm ăn để kiếm tiền phụ giúp gia đình. Bản thân anh chưa bao giờ có ý nghĩ bỏ vợ con. Từ lâu 02 vợ chồng đã ly thân, không còn nói chuyện với nhau. Quá trình chị T sinh cháu H anh ở nhà cùng chị T chăm sóc con đến hơn 01 tuổi đến ngày 15/7/2020 anh đi làm ăn ở Bình Dương mỗi tháng anh về 01 – 02 lần mua sữa cho con và cho chị T vì chị T đang mang thai đứa con thứ hai. Đến ngày 15/11/2020 anh từ Bình Dương về để chăm sóc và đỡ đần cho vợ con vì chị T sắp sanh nhưng chị T không cho anh về nhà và đuổi anh ra ngoài. Vì vậy anh đã về quê ở với ba mẹ tại Thôn A, BH, CB, CT, tỉnh Thanh Hóa. Công việc của anh là lái xe bằng hạng C, thu nhập 11.000.000 đồng/1 tháng. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị T vẫn cương quyết ly hôn và Tòa án giao cho anh nuôi cháu Hiếu.

- **Về con chung:** Trong trường hợp ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2019 vì vợ anh mới sanh không có khả năng nuôi cả 02 con. Và anh sẽ mang cháu H về quê để tiện chăm sóc.

- **Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về Nợ chung:** Anh cam kết vợ chồng anh không có nợ chung.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn C không

có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị T; Giao 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2019 và Nguyễn Hà Nhật H, sinh ngày 16/12/2020 cho chị Hà Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C đầy đủ, anh C đã đến Tòa án nộp bản tự khai, tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và Hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngưng phiên tòa do vắng mặt anh C cũng đã được tiến hành tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, anh C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hà Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thêm.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn C là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì anh chị lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Qua trình bày của chị Hà Thị T xét thấy cuộc sống chung của chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn C không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, từ lâu 02 vợ chồng đã ly thân, không còn nói chuyện với nhau nên chị Hà Thị T xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Tại bản tự khai anh Nguyễn Văn C cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và từ lâu 02 vợ chồng đã ly thân, hiện nay anh đã về quê ở với ba mẹ tại Thôn A, BH, CB, CT, tỉnh Thanh Hóa do chị Hà Thị T đuổi anh ra khỏi nhà và anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị T vẫn cương quyết ly hôn và Tòa án giao cho anh nuôi cháu H. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, trên thực tế Hà Thị T và anh Nguyễn Văn C cũng đã ly thân. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận đã không đạt được. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên yêu cầu của chị Hà Thị T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn C là có cơ sở chấp nhận. Từ lý do trên, Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị T, cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2019 và Nguyễn Hà Nhật H, sinh ngày 16/12/2020. Chị Hà Thị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả con và tạm

thời không yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn C đồng ý giao cháu Nguyễn Hà Nhật H cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và xin được nuôi cháu Nguyễn Minh H. Tại biên bản làm việc ngày 21/01/2021, Tòa án đã lập biên bản làm việc yêu cầu anh Nguyễn Văn C cung cấp các chứng cứ xác nhận điều kiện nuôi con trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày làm việc nhưng anh Nguyễn Văn C không cung cấp. Chị Hà Thị T cung cấp giấy phép kinh doanh, xác nhận có nơi ở và việc làm ổn định, có tài sản riêng thể hiện điều kiện nuôi con của mình. Xét thấy, cháu Nguyễn Minh H đến thời điểm xét xử chỉ mới 02 tuổi 01 tháng 23 ngày và cháu Nguyễn Hà Nhật H mới được 04 tháng, từ trước tới nay hai cháu Nguyễn Minh H và Nguyễn Hà Nhật H đều ở với chị Hà Thị T và được chị Hà Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai cháu đều dưới 36 tháng tuổi, việc chăm sóc con dưới 36 tháng tuổi thì mẹ vẫn là người chăm sóc tốt hơn. Công việc anh Nguyễn Văn C là lái xe thời gian không ổn định, công việc chị Hà Thị T là buôn bán tại nhà. Đề không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của hai cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị T giao cả 02 cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2019 và Nguyễn Hà Nhật H, sinh ngày 16/12/2020 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị Hà Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn C khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí ly hôn: Chị Hà Thị T phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 119 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị T. Cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

**2.** Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2019 và Nguyễn Hà Nhật H, sinh ngày 16/12/2020. Giao cả 02 con cho chị Hà Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Nguyễn Văn C. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn C khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

**4.** Về án phí: Chị Hà Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Hà Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0006830 ngày 30/9/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị Hà Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 415 ngày 23/11/2016);
- Chi cục T.H.A. dân sự thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Hồng Ngọc**